

**Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma**  
**Giáo Trình Trung Bộ Kinh – Majjhima Nikāya**

**Bài học ngày 5.5.2020**

---

**142. Kinh Phân Biệt Cúng Dường**  
**(Dakkhiṇāvibhaṅga Sutta)**  
**THẾ NÀO LÀ CÚNG DƯỜNG THÙ THẮNG**

*Dakkhiṇā thường được dịch là cúng dường có nghĩa là sự bố thí cao trọng tác thành phước sự. Bài kinh này ghi lại câu chuyện đặc biệt liên quan tới cuộc đời của Đức Phật. Di mẫu Mahāpajāpatī Gotamī vừa là dì ruột vừa là kế mẫu của Đức Thế Tôn. Bà là người đã tự thân chăm sóc dưỡng nuôi thái tử Siddattha từ lúc sơ sinh với tất cả sự thương yêu hơn cả con đẻ của mình. Sau này hiểu đạo và chứng sơ quả bà mang một bộ y cúng dường Đức Phật. Thay vì thọ nhận, Bạc Đạo Sư khuyên nên cúng dường đến tăng chúng. Pháp thoại của Đức Phật là những phân tích sâu xa về thế nào là những cúng dường với nhiều phúc quả khác nhau.*

**661. Thương kính Phật với tấm lòng của bà mẹ**

*Khi Đức Thế Tôn về thăm cố hương trong số những người trông mong chờ đợi được gặp lại Ngài phải nói tới Di mẫu Mahāpajāpatī Gotamī. Bà dùng đôi bàn tay ngà ngọc của mình để trồng bông vải, tự dệt, tự cắt may thành y ca sa cúng dâng Đức Phật:*



**Kinh Văn**

**N**hư vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú giữa dòng họ Sakka (Thích-Ca), ở Kapilavatthu (Ca-ty-la-vệ), tại tinh xá Nigrodha (Ni-câu-luật Thọ Viên). Rồi Mahāpajāpatī Gotamī (Củ đàn Nữ Ma-ha-ba-xà-bà-đề), đem theo một cặp y mới, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Mahāpajāpatī Gotamī bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, cặp y mới này do con cắt và dệt đặc biệt cho Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn vì lòng từ mẫn hãy nhận lấy cho con.

Khi được nghe nói vậy, Thế Tôn nói với Mahāpajāpatī Gotamī:

-- Này Gotamī, hãy cúng dường Tăng chúng. Bà cúng dường Tăng chúng, thời Ta sẽ được cung kính, và cả Tăng chúng cũng vậy.

Lần thứ hai, Mahāpajāpatī Gotamī bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, cặp y mới này do con cắt và dệt.. hãy nhận lấy cho con.

Lần thứ hai, Thế Tôn nói với Mahāpajāpatī Gotamī:

-- Này Gotamī, hãy cúng dường Tăng chúng.. và cả Tăng chúng cũng vậy.

Lần thứ ba, Mahāpajāpatī Gotamī bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, cặp y mới này do con cắt và dệt ... hãy nhận lấy cho con.

Lần thứ ba, Thế Tôn nói với Mahāpajāpatī Gotamī :

-- Này Gotami, hãy cúng dường Tăng chúng... và cả tăng chúng cũng vậy.

Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

-- Thế Tôn hãy nhận cặp y mới cho Mahāpajāpatī Gotamī! Bạch Thế Tôn, Mahāpajāpatī Gotamī đã giúp ích nhiều cho Thế Tôn, là thúc mẫu, là dưỡng mẫu, đã nuôi dưỡng Thế Tôn, đã cho Thế Tôn bú sữa, vì rằng sau khi sanh thân mẫu của Thế Tôn mệnh chung, chính bà đã cho Thế Tôn bú sữa. Bạch Thế Tôn, và Thế Tôn cũng giúp ích nhiều cho Mahāpajāpatī Gotamī. Bạch Thế Tôn, chính nhờ Thế Tôn, Mahāpajāpatī Gotamī đã quy y Phật, quy Pháp, quy y Tăng. Bạch Thế Tôn, chính nhờ Thế Tôn, Mahāpajāpatī từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say các loại rượu đem lại. Bạch Thế Tôn, chính nhờ Thế Tôn, Mahāpajāpatī Gotamī có đầy đủ lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật, đầy đủ lòng tịnh tín bất động đối với Pháp, đầy đủ lòng tịnh tín bất động đối với chúng Tăng, đầy đủ các giới luật làm bậc Thánh hoan hỷ. Bạch Thế Tôn, chính nhờ Thế Tôn, Mahāpajāpatī Gotamī không còn nghi ngờ đối với Khổ, không còn nghi ngờ đối với Khổ tập, không còn nghi ngờ đối với Khổ diệt, không còn nghi

ngờ đối với con Đường đưa đến khổ diệt. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn cũng đã giúp ích nhiều cho Mahāpajāpatī Gotamī.

## **662. Thương mẹ với tâm lòng của Phật**

*Đức Phật thay vì làm di mẫu hoan hỷ bằng cách đơn giản là thọ nhận, Ngài đã hướng dẫn bà với những bài học quan trọng theo chánh pháp:*

### ***Người thi ân và báo ân trong ý nghĩa cao đẹp nhất***

**Kinh văn:** -- Thật là như vậy, này Ānanda! Thật là như vậy, này Ānanda! Này Ānanda, nếu do nhờ một người, mà một người khác được quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, thời này Ānanda, Ta nói rằng người này không có một đền ơn nào xứng đáng đối với người kia về đánh lễ, đứng dậy, chấp tay, về làm những việc thích hợp và về dâng cúng các sự cúng dường như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh.

Nếu do nhờ một người mà một người khác từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say các loại rượu men, rượu nẫu, thời này Ānanda, Ta nói rằng người này không có một đền ơn nào xứng đáng đối với người kia... dược phẩm trị bệnh.

Này Ānanda, nếu do nhờ một người mà một người khác đầy đủ tịnh tín bất động đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng, đầy đủ các giới luật, thời này Ānanda, Ta nói rằng người này không có một đền ơn nào xứng đáng đối với người kia... dược phẩm trị bệnh.

Này Ānanda, nếu do nhờ một người mà một người khác không có nghi ngờ đối với Khổ, không có nghi ngờ đối với Khổ tập, không có nghi ngờ đối với Khổ diệt, không có khi ngờ đối với con Đường đưa đến khổ diệt, thời này Ānanda, Ta nói rằng người này không có một đền ơn nào xứng đáng đối với người kia... dược phẩm trị bệnh.

### ***Những đối tượng cúng dường và phúc quả dị biệt***

**Kinh văn:** Này Ānanda, có mười bốn loại cúng dường phân loại theo hạng người. Bồ thí các đức Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, là cúng dường thứ nhất, phân loại theo hạng người. Bồ thí các vị Độc Giác Phật, là cúng dường thứ hai, phân loại theo hạng người. Bồ thí các bậc A-la-hán, đệ tử Như Lai, là cúng dường thứ ba, phân loại theo hạng người. Bồ thí các vị trên con đường chứng quả A-la-hán là cúng dường thứ tư, phân loại theo hạng người. Bồ thí các vị chứng quả Bất lai, là cúng

dường thứ năm, phân loại theo hạng người. Bồ thí các vị trên con đường chứng quả Bất lai là cúng dường thứ sáu, phân loại theo hạng người. Bồ thí các vị chứng quả Nhất lai là cúng dường thứ bảy, phân loại theo hạng người. Bồ thí các vị trên con đường chứng quả Nhất lai là cúng dường thứ tám, phân loại theo hạng người. Bồ thí các vị chứng quả Dự lưu là cúng dường thứ chín, phân loại theo hạng người. Bồ thí các vị trên con đường chứng quả Dự lưu là cúng dường thứ mười, phân loại theo hạng người. Bồ thí những vị ngoại học (bāhiraka) đã ly tham trong các dục vọng là cúng dường thứ mười một, phân loại theo hạng người. Bồ thí những phạm phu gìn giữ giới luật là cúng dường thứ mười hai, phân loại theo hạng người. Bồ thí những phạm phu theo ác giới là cúng dường thứ mười ba, phân loại theo hạng người được bồ thí. Bồ thí các loại bàng sanh là cúng dường thứ mười bốn, phân loại theo hạng người.

Tại đây, này Ānanda, sau khi bồ thí cho các loại bàng sanh, cúng dường này có hy vọng đem lại trăm phần công đức. Sau khi bồ thí cho những phạm phu theo ác giới, cúng dường này có hy vọng đem lại ngàn phần công đức. Sau khi bồ thí cho các phạm phu gìn giữ giới luật, cúng dường này có hy vọng đem lại trăm ngàn lần công đức. Sau khi bồ thí cho các người ngoại học đã ly tham trong các dục vọng, cúng dường này có hy vọng đem lại trăm ngàn ức lần công đức. Sau khi bồ thí cho các vị trên con đường chứng quả Dự lưu, cúng dường này có hy vọng đem lại vô số vô lượng công đức. Còn nói gì đến những vị đã chứng quả Dự lưu? Còn nói gì đến những vị trên con đường chứng quả Nhất lai? Còn nói gì đến những vị đã chứng quả Nhất lai? Còn nói gì đến những vị trên con đường chứng quả Bất lai? Còn nói gì đến những vị đã chứng quả Bất lai? Còn nói gì đến những vị trên con đường chứng quả A-la-hán? Còn nói gì đến những vị đã chứng quả A-la-hán đệ tử Như Lai? Còn nói gì đến những vị Độc Giác Phật? Còn nói gì đến các Như Lai bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác?

### ***Bảy sự cúng dường đến Tăng chúng***

**Kinh văn:** Này Ānanda, có bảy loại cúng dường cho Tăng chúng. Bồ thí cho cả hai Tăng chúng với đức Phật là vị cầm đầu là cúng dường Tăng chúng thứ nhất. Bồ thí cho cả hai Tăng chúng, sau khi đức Phật đã nhập diệt là cúng dường Tăng chúng thứ hai. Bồ thí cho chúng Tỷ-kheo Tăng là cúng dường Tăng chúng thứ ba. Bồ thí cho chúng Tỷ-kheo ni là cúng dường Tăng chúng thứ tư. Bồ thí và nói rằng: "Mong Tăng chúng chỉ định cho tôi một số Tỷ-kheo và Tỷ-kheo ni như vậy", là cúng dường Tăng chúng thứ năm. Bồ thí và nói rằng: "Mong rằng Tăng chúng chỉ định cho tôi một số Tỷ-kheo như vậy", là cúng dường Tăng chúng thứ sáu. Bồ thí và nói rằng: "Mong rằng Tăng chúng chỉ định cho một số Tỷ-kheo ni như vậy", là cúng dường Tăng chúng thứ bảy.

Nhưng này Ānanda, trong thời gian tương lai sẽ có những hạng chuyển tánh (gotrabhuno), với những áo cà-sa vàng xung quanh cổ, theo ác giới, ác pháp, và cuộc bố thí đối với chúng Tăng theo ác giới. Nhưng này Ānanda, khi Ta nói rằng cúng dường cho Tăng chúng là vô số và vô lượng, thời này Ānanda, Ta không có muốn nói rằng bất cứ phương tiện gì, một sự bố thí phân loại theo cá nhân lại có kết quả to lớn hơn đối với cúng dường cho Tăng chúng.

### ***Bốn sự cúng dường trên phương diện thanh tịnh***

**Kinh văn:** Này Ānanda, có bốn sự thanh tịnh của các loại cúng dường. Thế nào là bốn? Này Ānanda, có loại cúng dường được thanh tịnh bởi người cho, nhưng không bởi người nhận. Này Ānanda, có loại cúng dường được thanh tịnh bởi người nhận, nhưng không bởi người cho. Này Ānanda, có loại cúng dường không được thanh tịnh bởi người cho và cũng bởi người nhận. Này Ānanda, có loại cúng dường được thanh tịnh bởi người cho và cũng bởi người nhận.

Và này Ānanda, thế nào là loại cúng dường được thanh tịnh bởi người cho, nhưng không bởi người nhận? Ở đây, này Ānanda, người cho giữ giới, theo thiện pháp, còn những người nhận theo ác giới, theo ác pháp. Như vậy, này Ānanda, là loại cúng dường được thanh tịnh bởi người cho, nhưng không bởi người nhận.

Và này Ānanda, thế nào là loại cúng dường được thanh tịnh bởi người nhận, nhưng không bởi người cho? Ở đây, này Ānanda, người cho theo ác giới, theo ác pháp, còn những người nhận giữ giới, theo thiện pháp. Như vậy, này Ānanda, là loại cúng dường được thanh tịnh bởi người nhận, nhưng không bởi người cho.

Và này Ānanda, thế nào là loại cúng dường không được thanh tịnh bởi người cho và cũng bởi người nhận? Ở đây, này Ānanda, người cho theo ác giới, theo ác pháp, và người nhận cũng theo ác giới, theo ác pháp. Như vậy, này Ānanda, là sự cúng dường không được thanh tịnh bởi người cho và cũng bởi người nhận.

Và này Ānanda, thế nào là loại cúng dường được thanh tịnh bởi người cho và cũng bởi người nhận? Ở đây, này Ānanda, người cho giữ giới, theo thiện pháp; và người nhận cũng giữ giới, theo thiện pháp. Như vậy, này Ānanda, là sự cúng dường được thanh tịnh bởi người cho và cũng bởi người nhận.

Này Ānanda, như vậy là bốn sự thanh tịnh của các loại cúng dường. Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Bậc Thiện Thệ sau khi nói như vậy, bậc Đạo sư lại nói thêm:

Ai đầy đủ giới luật,  
Bồ thí cho ác giới;  
Vật thí được đúng pháp,  
Với tâm khéo hoan hỷ,  
Với lòng tin vững vàng  
Vào quả lớn của nghiệp,  
Sự cúng dường như vậy,  
Thanh tịnh bởi người cho.

Ai không giữ giới luật,  
Bồ thí cho thiện giới;  
Vật thí không đúng pháp,  
Với tâm không hoan hỷ,  
Không lòng tin vững vàng,  
Vào quả lớn của nghiệp,  
Sự cúng dường như vậy,  
Thanh tịnh bởi người nhận.

Ai không giữ giới luật,  
Bồ thí cho ác giới;  
Vật thí không đúng pháp,  
Với tâm không hoan hỷ,

Không lòng tin vững vàng,  
Vào quả lớn của nghiệp,  
Sự cúng dường như vậy  
Cả hai không thanh tịnh.

Ai đầy đủ giới luật,  
Bồ thí cho thiện giới;  
Vật thí được đúng pháp,  
Với tâm khéo hoan hỷ,  
Với lòng tin vững vàng,  
Vào quả lớn của nghiệp,  
Ta nói bồ thí ấy  
Chắc chắn có quả lớn.

Ai xuất ly tham ái  
Bồ thí không tham ái,  
Vật thí được đúng pháp.  
Với tâm khéo hoan hỷ,  
Với lòng tin vững vàng,  
Vào quả lớn của nghiệp,  
Ta nói bồ thí ấy  
Là quảng đại tài thí.

*Dịch giả: Hoà Thượng Thích Minh Châu  
Phân đoạn & chú thích: Tỳ Kheo Giác Đăng*

-ooOoo-

**Kinh số 142 [tóm tắt]**  
**Kinh Phân Biệt Cúng Dường**  
**(Dakkhināvibhaṅga Sutta)**  
**(M.iii, 253)**

**I.** Có mười bốn loại cúng dường, kể theo thứ tự được công đức từ ít đến nhiều vô lượng:

- 1/ Bồ thí cho bàng sanh.
- 2/ Bồ thí phạm phu theo ác giới.
- 3/ Bồ thí phạm phu giữ giới.
- 4/ Bồ thí những vị ngoại đạo học đã ly tham dục.
- 5/ Bồ thí những người hướng về quả Dự lưu.
- 6/ Bồ thí những người đã chứng quả Dự lưu.
- 7/ Bồ thí những người hướng về quả Nhất lai.
- 8/ Bồ thí những người đã chứng quả Nhất lai.
- 9/ Bồ thí những người hướng về quả Bất hoàn.
- 10/ Bồ thí những người đã chứng quả Bất hoàn.
- 11/ Bồ thí những người hướng đến quả A-la-hán.
- 12/ Bồ thí những người đã chứng quả A-la-hán.
- 13/ Cúng dường các vị Độc Giác Phật.
- 14/ Cúng dường các đức Như Lai.

**II.** Lại có bảy loại cúng dường Tăng chúng, công đức lớn nhất được kể trước:

- 1/ Bồ thí cho cả hai Tăng chúng với đức Phật cầm đầu.

2/ Bồ thí cho cả hai Tăng chúng sau khi đức Phật nhập diệt.

3/ Bồ thí cho chúng Tỷ-kheo.

4/ Bồ thí chúng Tỷ-kheo-ni.

5/ Bồ thí cho một số Tỷ-kheo và một số Tỷ-kheo-ni.

6/ Bồ thí một số Tỷ-kheo.

7/ Bồ thí một số Tỷ-kheo-ni.

### III. Có bốn sự thanh tịnh các loại cúng dường:

1/ Có loại cúng dường thanh tịnh bởi người cho, không bởi người nhận: người cho giữ giới, người nhận không.

2/ Có loại cúng dường thanh tịnh bởi người nhận, không bởi người cho.

3/ Có loại cúng dường được thanh tịnh bởi cả hai bên: người cho, người nhận đều giữ giới.

4/ Có loại cúng dường không được thanh tịnh bởi cả hai bên: người cho, người nhận đều theo ác giới.

Bồ thí cho người xuất ly tham ái, vật thí đúng pháp và người bồ thí tâm hoan hỷ, có lòng tin vững vàng vào quả báo, thì đó là sự bồ thí tài vật lớn nhất.

*Biên soạn: Hoà Thượng Thích Minh Châu*

-ooOoo-



Kinh số 142 [dàn ý]  
**Kinh Phân Biệt Cúng Dường**  
**(Dakkhīnāvibhaṅga Sutta)**  
(M.iii, 253)

**A. Duyên khởi:**

Mahāpajāpatī đến cúng dường Thế Tôn một cặp y. Thế Tôn không nhận, bảo nên đem cúng dường chúng Tăng. Tôn giả nanda yêu cầu Thế Tôn nên nhận cặp y vì Mahāpajāpatī đã giúp ích nhiều cho Thế Tôn. Và Thế Tôn cũng đã giúp ích nhiều cho Mahāpajāpatī. Thế Tôn bèn thuyết giảng kinh này.

**B. Chánh kinh:**

**I.** Thế Tôn xác nhận công đức thật vô lượng, nếu một ai giúp đỡ người khác quy y ba ngôi báu, giữ gìn giới luật, có lòng tịnh tín bất động đối với ba ngôi báu, không còn nghi ngờ đối với bốn sự thật.

**II.** Thế Tôn phân tích có 14 loại cúng dường phân loại theo hạng người và số lượng công đức do các loại cúng dường này đem đến.

**III.** Thế Tôn phân tích 7 loại cúng dường cho Tăng chúng và xác nhận cúng dường cho chúng Tăng có kết quả công đức to lớn hơn cúng dường cho cá nhân.

**IV.** Thế Tôn phân tích có 4 sự thanh tịnh trong các loại cúng dường.

**C. Kết luận:**

Thế Tôn với một số bài kệ nói lên sự thanh tịnh trong các loại cúng dường.

*Biên soạn: Hoà Thượng Thích Minh Châu*

-ooOoo-

Kinh số 142 [toát yếu]  
**Kinh Phân Biệt Cúng Dường**  
**(Dakkhināvibhaṅga Sutta)**  
(M.iii, 253)

## I. TOÁT YẾU

### *The Exposition of Offerings.*

*The Buddha enumerates fourteen kinds of personal offerings and seven kinds of offerings made to the Sangha.*

### *Trình bày về các sự cúng dường.*

*Phật kể ra 14 loại cúng dường cá nhân và bảy loại cúng dường cho tập thể.*

## II. TÓM TẮT

Một hôm bà di mẫu của Phật đến cúng dường Ngài một cặp y mới do chính tay bà dệt đặc biệt cho Thế Tôn. Phật dạy bà hãy đem cúng dường Tăng chúng, thì cũng như cúng dường cả Phật và Tăng. Bà năn nỉ ba lần, Phật vẫn dạy như trên.

Thấy thế tôn giả A-nan xin Phật nhận cặp y vì bà Di mẫu có ơn nuôi dưỡng Ngài từ lúc sơ sinh sau khi Ma-gia hoàng hậu từ trần. Và chính Phật cũng đã giúp bà quy y Tam bảo, giữ năm giới, có lòng tin bất động đối với Phật Pháp Tăng và Giới. Chính nhờ đức Thế Tôn mà bà hết hoài nghi đối với bốn thánh đế Khổ Tập Diệt Đạo. Đức Thế Tôn xác nhận đúng như thế, và dạy nếu ai nhờ một người nào mà được quy y Tam bảo, giữ năm giới, có tịnh tín đối với Tam bảo và giới luật, hết nghi ngờ về bốn chân lý, thì không có sự đền ơn nào cho tương xứng.

*Kể tiếp Phật dạy có 14 loại bố thí:*

1/ Trên hết là cúng dường đức Như Lai, Ứng cúng Chánh đẳng giác, kể đến tuần tự:

2/ Độc giác;

3/ Các vị đã chứng quả A-la-hán;

4/ Các vị trên đạo lộ A-la-hán;

- 5/ Bất hoàn quả;
- 6/ Bất hoàn đạo;
- 7/ Nhất lai quả;
- 8/ Nhất lai đạo;
- 9/ Dự lưu quả;
- 10/ Dự lưu đạo;
- 11/ Vị ngoại học (bāhiraka) ly tham;
- 12/ phàm phu giữ giới;
- 13/ phàm phu phá giới;
- 14/ các loại bàng sanh.

Trong đó, bố thí cho bàng sanh đem lại một trăm công đức (lợi ích), cho phàm phu phá giới một ngàn công đức, cho phàm phu giữ giới một trăm ngàn công đức, cho ngoại học ly tham một trăm ngàn ức công đức. Bố thí cho các vị ở Dự lưu đạo có hy vọng đem lại vô số công đức, hưởng hồ các vị đã chứng Dự lưu quả và trên nữa cho đến cúng dường Phật?

Lại nữa, đối với tăng chúng có bảy loại cúng dường: Một là cúng Phật tại thế và hai bộ tăng là nhất. Thứ đến là sau khi Phật Niết-bàn, cúng dường cả hai bộ tăng. Thứ ba là cúng dường Tăng bộ. Thứ tư là cúng dường Ni bộ. Thứ năm là cúng một số tăng và một số ni theo chỉ định của tăng. Thứ sáu là cúng riêng một số ni theo chỉ định. Trong tương lai có những hạng ác tăng khoác áo ca sa nhưng mặc dù vậy, sự bố thí cho họ cũng được công đức vô lượng khi người bố thí muốn qua họ mà cúng dường tăng bảo.

Cuối cùng Phật dạy về bốn sự thanh tịnh do bố thí: Một là thanh tịnh bởi người cho; là người cho giữ giới, theo thiện pháp, người nhận phá giới theo ác pháp. Hai là thanh tịnh do người nhận; là người nhận giữ giới theo thiện pháp còn người cho thì ngược lại. Ba là cả người cho lẫn người nhận đều thanh tịnh, là cả hai bên đều có giới. Bốn là cả người cho lẫn người nhận đều không thanh tịnh; là cả hai bên đều phá giới.

Và sự bố thí thanh tịnh nhất là khi người cho người nhận đều có giới; vật thí đúng pháp; cho với tâm hoan hỷ vững tin vào nghiệp quả.

### III. CHÚ GIẢI

*Kinh này dễ hiểu.*

### IV. PHÁP SỐ

*(không có)*

### V. KỆ TỤNG

Một hôm bà di mẫu  
Đến cúng dường đức  
Phật Một cặp y đặc biệt  
Bà dệt cho Thế Tôn.  
Phật dạy nên cúng dường  
Cho toàn thể chúng tăng  
VớI Phật vị dẫn đầu  
Hơn là riêng cúng Phật.  
Sau ba lần năn nỉ,  
Phật vẫn dạy như trên.  
Tôn giả Ānanda  
Thương tình bèn can thiệp  
Xin Ngài nhận cặp y  
Bởi vì bà Di mẫu  
Có ơn cho bú mớm  
Có công lao nuôi dưỡng  
Lúc sanh mẫu mệnh chung  
Và cũng nhờ Thế Tôn  
Mà bà theo Tam Bảo,  
Thọ trì năm cấm giới,  
Có lòng tin bất động  
Ở Phật Pháp Tăng Giới.  
Chính nhờ đức Thế Tôn  
Mà bà hết hoài nghi  
Về Khổ, Tập, Diệt, Đạo  
Bốn chân lý cao cả.  
Phật xác nhận đúng thế,

Nếu ai nhờ người nào  
Được quy y Tam bảo,  
Thọ trì năm cấm giới  
Tịnh tín, hết nghi ngờ  
Bốn chân lý cao cả,  
Thì cái ơn lớn ấy  
Khó tương xứng đáp đền.

Kê tiếp Thế Tôn dạy  
Mười bốn loại bố thí  
Trên hết là cúng Phật  
Như Lai Chánh đẳng giác,  
Tuần tự tiếp theo đó:  
Độc giác rồi La-hán;  
Trên đường chúng La-hán;  
Bất hoàn quả và đạo;  
Nhất lai quả và đường;  
Dự lưu quả và đạo;  
Vị ngoại học ly tham;  
Phàm phu có giữ giới;  
Phàm phu không giữ giới;  
Đến các loại bàng sanh.  
Trong mười bốn loại ấy  
Bố thí cho bàng sanh  
Cũng có trăm công đức  
Cho phàm phu phá giới  
Được một ngàn công đức,  
Cho phàm phu giữ giới  
Một trăm ngàn công đức,  
Cho ngoại học ly tham  
Trăm ngàn ức công đức.  
Cho vị Dự lưu đạo  
Có vô số công đức,  
Huống là Dự lưu quả  
Cho đến cúng Như Lai?  
Lại đối với tăng chúng  
Có bảy loại cúng dường:  
Phật và hai bộ tăng  
Lúc còn sinh tiền Phật  
Là cúng dường bậc nhất.

Đến cúng hai bộ tăng  
Sau khi Phật Niết-bàn,  
Rồi đến cúng Tăng bộ  
Thứ tư, cúng Ni bộ.  
Thứ năm, xin đại chúng  
Chỉ định ít tăng, ni,  
Sáu, cúng một số tăng  
Theo tăng chúng chỉ định.  
Bảy, cúng một số ni.  
Trong tương lai sẽ có  
Ác tăng khoác ca sa  
Nhưng cúng dường tăng chúng  
Công đức vẫn to lớn  
Hơn phân loại cá nhân.

Và cuối cùng Phật dạy  
Về bốn kiểu thanh tịnh  
Trong hành vi bố thí:  
Một, sạch bởi người cho  
Giữ giới, theo thiện pháp,  
Còn người nhận phá giới.  
Hai, sạch do người nhận  
Khi người nhận giữ giới  
Người cho thì ngược lại.  
Ba là sạch hai chiều  
Người cho lẫn kẻ nhận  
Bôn, cả hai không sạch.  
Sự bố thí sạch nhất  
Khi người cho kẻ nhận  
Đều có giới, theo thiện;  
Vật bố thí đúng pháp;  
Cho với tâm hoan hỷ;  
Vững tin vào nghiệp quả.  
Bố thí được như vậy  
Là quảng đại tài thí.

*Dịch giả: Hoà Thượng Thích Minh Châu  
Tóm tắt & chú giải: Thích Nữ Trí Hải*

-ooOoo-

## 142. Dakkhiṇāvibhaṅgasuttam [Mūla]

376. Evaṃ me sutam : ekam samayaṃ **Bhagavā** sakkesu viharati kapilavatthusmiṃ nigrodhārāme. Atha kho mahāpajāpati [mahāpajāpatī (sī. syā. kam. pī.)] gotamī navam dussayugam ādāya yena **Bhagavā** tenupasaṅkami upasaṅkamtivā bhagavantam abhivādetvā ekamantam nisīdi. Ekamantam nisinnā kho mahāpajāpati gotamī bhagavantam etadavoca : "idaṃ me, bhante, navam dussayugam bhagavantam uddissa sāmam kantam sāmam vāyitam. Tam me, bhante, **Bhagavā** paṭiggaṇhātu anukampam upādāyāti. Evaṃ vutte, **Bhagavā** mahāpajāpatim gotamim etadavoca : "saṅhe, gotami, dehi. Saṅhe te dinne ahañceva pūjito bhavissāmi saṅho cāti. Dutiyampi kho mahāpajāpati gotamī bhagavantam etadavoca : "idaṃ me, bhante, navam dussayugam bhagavantam uddissa sāmam kantam sāmam vāyitam. Tam me, bhante, **Bhagavā** paṭiggaṇhātu anukampam upādāyāti. Dutiyampi kho **Bhagavā** mahāpajāpatim gotamim etadavoca : "saṅhe, gotami, dehi. Saṅhe te dinne ahañceva pūjito bhavissāmi saṅho cāti. Tatiyampi kho mahāpajāpati gotamī bhagavantam etadavoca : "idaṃ me, bhante, navam dussayugam bhagavantam uddissa sāmam kantam sāmam vāyitam. Tam me, bhante, **Bhagavā** paṭiggaṇhātu anukampam upādāyāti. Tatiyampi kho **Bhagavā** mahāpajāpatim gotamim etadavoca : "saṅhe, gotami, dehi . Saṅhe te dinne ahañceva pūjito bhavissāmi saṅho cāti.

377. Evaṃ vutte, āyasmā ānando bhagavantam etadavoca : "paṭiggaṇhātu, bhante, **Bhagavā** mahāpajāpatiyā gotamiyā navam dussayugam. Bahūpakārā [bahukārā (syā. kam.)], bhante, mahāpajāpati gotamī bhagavato mātucchā āpādikā posikā khīrassa dāyikā bhagavantam janettiyā kālaṅkatāya thañṇam pāyesi. Bhagavāpi, bhante, bahūpakāro mahāpajāpatiyā gotamiyā. Bhagavantam, bhante, āgamma mahāpajāpati gotamī buddham saraṇam gatā, dhammam saraṇam gatā, saṅgham saraṇam gatā. Bhagavantam, bhante, āgamma mahāpajāpati gotamī pāṇātipātā paṭiviratā adinnādānā paṭiviratā kāmesumicchācārā paṭiviratā musāvādā paṭiviratā surāmerayamajjapamādatṭhānā paṭiviratā. Bhagavantam, bhante, āgamma mahāpajāpati gotamī buddhe aveccappasādena samannāgatā , dhamme aveccappasādena samannāgatā, saṅhe aveccappasādena samannāgatā ariyakantehi sīlehi samannāgatā. Bhagavantam, bhante, āgamma mahāpajāpati gotamī dukkhe nikkāṅkhā, dukkhasamudaye nikkāṅkhā, dukkhanirodhe nikkāṅkhā, dukkhanirodhagāminiyā paṭipadāya nikkāṅkhā. Bhagavāpi, bhante, bahūpakāro mahāpajāpatiyā gotamiyāti.

378. "Evametam , ānanda. Yam hānanda, puggalo puggalam āgamma buddham saraṇam gato hoti, dhammam saraṇam gato hoti, saṅgham saraṇam gato hoti,

imassānanda, puggalassa iminā puggalena na suppatikāraṃ vadāmi, yadidaṃ : abhivādana-paccuṭṭhānaañjalikamma sāmīcikkamma-cīvarapiṇḍapātasenāsanagilā-nappaccayabhesajjaparikkhārānuppādānena. "Yaṃ hānanda, puggalo puggalaṃ āgamma paṇātipātā paṭivirato hoti, adinnādānā paṭivirato hoti, kāmesumicchācārā paṭivirato hoti, musāvādā paṭivirato hoti, surāmerayamajjapamādatṭhānā paṭivirato hoti, imassānanda, puggalassa iminā puggalena na suppatikāraṃ vadāmi, yadidaṃ : abhivādana-paccuṭṭhāna-añjalikamma-sāmīcikkamma-cīvarapiṇḍapātasenāsanagilā-nappaccayabhesajjaparikkhārānuppādānena. "Yaṃ hānanda, puggalo puggalaṃ āgamma buddhe aveccappasādena samannāgato hoti, dhamme... saṅghe... ariyakantehi sīlehi samannāgato hoti, imassānanda, puggalassa iminā puggalena na suppatikāraṃ vadāmi, yadidaṃ : abhivādana-paccuṭṭhāna-añjalikamma-sāmīcikkamma-cīvarapiṇḍapātasenāsanagilā-nappaccayabhesajjaparikkhārānuppādānena.

"Yaṃ hānanda, puggalo puggalaṃ āgamma dukkhe nikkāṅkho hoti, dukkhasamudaye nikkāṅkho hoti, dukkhanirodhe nikkāṅkho hoti, dukkhanirodhagāminiyā paṭipadāya nikkāṅkho hoti, imassānanda, puggalassa iminā puggalena na suppatikāraṃ vadāmi, yadidaṃ : abhivādana-paccuṭṭhānaañjalikamma-sāmīcikkamma-cīvarapiṇḍapātasenāsanagilā-nappaccayabhesajjaparikkhārānuppādānena.

**379.** "Cuddasa kho paṇimānanda, pātipuggalikā dakkhiṇā. Katamā cuddasa? tathāgate arahante sammāsambuddhe dānaṃ deti : ayam paṭhamā pātipuggalikā dakkhiṇā. Paccekasambuddhe [paccekabuddhe (sī. pī.)] dānaṃ deti : ayam dutiyā pātipuggalikā dakkhiṇā. Tathāgatasāvake arahante dānaṃ deti : ayam tatiyā pātipuggalikā dakkhiṇā. Arahattaphalāsacchikiriyāya paṭipanne dānaṃ deti : ayam catutthī pātipuggalikā dakkhiṇā. Anāgāmissa dānaṃ deti : ayam pañcamī pātipuggalikā dakkhiṇā. Anāgāmiphalasacchikiriyāya paṭipanne dānaṃ deti : ayam chaṭṭhī pātipuggalikā dakkhiṇā. Sakadāgāmissa dānaṃ deti : ayam sattamī pātipuggalikā dakkhiṇā. Sakadāgāmiphalasacchikiriyāya paṭipanne dānaṃ deti : ayam aṭṭhamī pātipuggalikā dakkhiṇā. Sotāpanne dānaṃ deti : ayam navamī pātipuggalikā dakkhiṇā. Sotāpattiphalasacchikiriyāya paṭipanne dānaṃ deti : ayam dasamī pātipuggalikā dakkhiṇā. Bāhirake kāmesu vītarāge dānaṃ deti : ayam ekādasamī pātipuggalikā dakkhiṇā. Puthujjanasīlavante dānaṃ deti : ayam dvādasamī pātipuggalikā dakkhiṇā. Puthujjanadussīle dānaṃ deti : ayam terasamī pātipuggalikā dakkhiṇā. Tiracchānagate dānaṃ deti : ayam cuddasamī pātipuggalikā dakkhiṇāti. "Tatrānanda, tiracchānagate dānaṃ datvā sataguṇā dakkhiṇā pāṭikaṅkhitabbā, puthujjanadussīle dānaṃ datvā saḥassaguṇā dakkhiṇā pāṭikaṅkhitabbā, puthujjanasīlavante dānaṃ datvā sataḥassaguṇā dakkhiṇā pāṭikaṅkhitabbā, bāhirake kāmesu vītarāge dānaṃ datvā koṭisatasahassaguṇā dakkhiṇā pāṭikaṅkhitabbā, sotāpattiphalasacchikiriyāya paṭipanne dānaṃ datvā



asaṅkheyyā appameyyā dakkhiṇā pāṭikaṅkhitabbā, ko pana vādo sotāpanne, ko pana vādo sakadāgāmi phalāsacchikiriyāya paṭipanne, ko pana vādo sakadāgāmi ssa, ko pana vādo anāgāmi phalāsacchikiriyāya paṭipanne, ko pana vādo anāgāmi ssa, ko pana vādo arahattaphalāsacchikiriyāya paṭipanne, ko pana vādo arahante, ko pana vādo paccekasambuddhe, ko pana vādo tathāgate arahante sammāsambuddhe!

**380.** "Satta kho panimānanda, saṅghagatā dakkhiṇā. Katamā satta? buddhappamukhe ubhato saṅghe dānaṃ deti : ayaṃ paṭhamā saṅghagatā dakkhiṇā. Tathāgate parinibbute ubhato saṅghe dānaṃ deti : ayaṃ dutiyā saṅghagatā dakkhiṇā. Bhikkhusaṅghe dānaṃ deti : ayaṃ tatiyā saṅghagatā dakkhiṇā. Bhikkhunisaṅghe dānaṃ deti : ayaṃ catutthī saṅghagatā dakkhiṇā. 'Ettakā me bhikkhū ca bhikkhuniyo ca saṅghato uddissathāti dānaṃ deti : ayaṃ pañcamī saṅghagatā dakkhiṇā. 'Ettakā me bhikkhū saṅghato uddissathāti dānaṃ deti : ayaṃ chaṭṭhī saṅghagatā dakkhiṇā. 'Ettakā me bhikkhuniyo saṅghato uddissathāti dānaṃ deti : ayaṃ sattamī saṅghagatā dakkhiṇā. "Bhavissanti kho panānanda, anāgatamaddhānaṃ gotrabhuno kāsāvakaṅṭhā dussīlā pāpadhammā. Tesu dussīlesu saṅghaṃ uddissa dānaṃ dassanti. Tadāpāhaṃ, ānanda, saṅghagataṃ dakkhiṇaṃ asaṅkheyyaṃ appameyyaṃ vadāmi. Na tvevāhaṃ, ānanda, kenaci pariyāyena saṅghagatāya dakkhiṇāya pāṭipuggalikaṃ dānaṃ mahapphalataraṃ vadāmi.

**381.** "Catasso kho imā, ānanda, dakkhiṇā visuddhiyo. Katamā catasso? atthānanda, dakkhiṇā dāyakato visujjhati no paṭiggāhakato. Atthānanda, dakkhiṇā paṭiggāhakato visujjhati no dāyakato. Atthānanda, dakkhiṇā neva dāyakato visujjhati no paṭiggāhakato. Atthānanda, dakkhiṇā dāyakato ceva visujjhati paṭiggāhakato ca. "Kathañcānanda, dakkhiṇā dāyakato visujjhati no paṭiggāhakato? idhānanda, dāyako hoti sīlavā kalyāṇadhammo, paṭiggāhakā honti dussīlā pāpadhammā : evaṃ kho, ānanda, dakkhiṇā dāyakato visujjhati no paṭiggāhakato. "Kathañcānanda, dakkhiṇā paṭiggāhakato visujjhati no dāyakato? idhānanda, dāyako hoti dussīlo pāpadhammo, paṭiggāhakā honti sīlavanto [sīlavantā (sī.)] kalyāṇadhammā : evaṃ kho, ānanda, dakkhiṇā paṭiggāhakato visujjhati no dāyakato. "Kathañcānanda, dakkhiṇā neva dāyakato visujjhati no paṭiggāhakato? idhānanda, dāyako ca hoti dussīlo pāpadhammo, paṭiggāhakā ca honti dussīlā pāpadhammā : evaṃ kho, ānanda, dakkhiṇā neva dāyakato visujjhati no paṭiggāhakato.

"Kathañcānanda, dakkhiṇā dāyakato ceva visujjhati paṭiggāhakato ca? idhānanda, dāyako ca hoti sīlavā kalyāṇadhammo, paṭiggāhakā ca honti sīlavanto kalyāṇadhammā : evaṃ kho, ānanda, dakkhiṇā dāyakato ceva visujjhati paṭiggāhakato ca. Imā kho, ānanda, catasso dakkhiṇā visuddhiyoti. Idamavoca **Bhagavā**. Idam vātvāna sugato athāparaṃ etadavoca satthā :

382.

"Yo sīlavā dussīlesu dadāti dānaṃ,  
Dhammena laddhaṃ [laddhā (sī. pī.)] supasannacitto.

Abhisaddahaṃ kammaphalaṃ uḷāraṃ,  
Sā dakkhiṇā dāyakato visujjhati..

"Yo dussīlo sīlavantesu dadāti dānaṃ,  
Adhammena laddhaṃ appasannacitto.

Anabhisaddahaṃ kammaphalaṃ uḷāraṃ,  
Sā dakkhiṇā paṭiggāhakato visujjhati..

"Yo dussīlo dussīlesu dadāti dānaṃ,  
Adhammena laddhaṃ appasannacitto.

Anabhisaddahaṃ kammaphalaṃ uḷāraṃ,  
Na taṃ dānaṃ vipulapphalanti brūmi..

"Yo sīlavā sīlavantesu dadāti dānaṃ,  
Dhammena laddhaṃ supasannacitto.

Abhisaddahaṃ kammaphalaṃ uḷāraṃ,  
Taṃ ve dānaṃ vipulapphalanti brūmi [sā dakkhiṇā nevubhato  
visujjhati (sī. pī.)]..

"Yo vītarāgo vītarāgesu dadāti dānaṃ,  
Dhammena laddhaṃ supasannacitto.

Abhisaddahaṃ kammaphalaṃ uḷāraṃ,  
Taṃ ve dānaṃ āmisadānānamagga [taṃ ve dānaṃ vipulanti brūmi  
(sī.)] nti..

Dakkhiṇāvibhaṅgasuttaṃ niṭṭhitaṃ dvādasamaṃ.

Vibhaṅgavaggo niṭṭhito catuttho.

Tassuddānaṃ :

Bhaddekānandakaccāna, lomasakaṅgiyāsubho.

Mahākammaśālyatanavibhaṅgā, uddesaaraṇā dhātu saccaṃ..

Dakkhiṇāvibhaṅgasuttanti.

## 142. Dakkhiṇāvibhaṅgasuttavaṇṇanā [Atthakathā]

376. **Evam me sutanti** dakkhiṇāvibhaṅgasuttam. Tattha **mahāpajāpati gotamīti gotamīti** gottam. Nāmakaraṇadivase panassā laddhasakkārā brāhmaṇā lakkhaṇasampattiṃ disvā – “sace ayaṃ dhītaraṃ labhissati, cakkavattiraṇṇo aggamahesī bhavissati. Sace puttam labhissati, cakkavattirājā bhavissatīti ubhayathāpi mahatīyevassā pajā bhavissatī”ti byākarimṣu. Athassā **mahāpajāpatīti** nāmam akamsu. Idha pana gottena saddhiṃ saṃsanditvā **mahāpajāpatigotamīti** vuttam. **Navanti** ahatam. **Sāmam vāyitanti** na sahattheneva vāyitam, ekadivasam pana dhātigaṇaparivutā sippikānam vāyanatthānam āgantvā vemakoṭiṃ gahetvā vāyanākāram akāsi. Tam sandhāyetam vuttam.

Kadā pana gotamiyā bhagavato dussayugam dātum cittaṃ uppananti. Abhisambodhiṃ patvā paṭhamagamanena kapilapuram āgatakāle. Tadā hi piṇḍāya pavitṭham sathāram gahetvā suddhodanamahārājā sakam nivesanam pavesesi, atha bhagavato rūpasobhaggam disvā mahāpajāpatigotamī cintesi – “sobhati vata me puttassa attabhāvo”ti. Athassā balavasomanassam uppajji. Tato cintesi – “mama puttassa ekūnatimsa vassāni agāramajjhe vasantassa antamaso mocaphalamattampi mayā dinnakameva ahosi, idānipissa cīvarasāṭakam dassāmī”ti. “Imasmim kho pana rājagehe bahūni mahagghāni vatthāni atthi, tāni mam na toseti, sahatthā katameva mam toseti, sahatthā katvā dassāmī”ti cittaṃ uppādesi.

Athantarāpaṇā kappāsam āharāpetvā sahattheneva pisitvā pothetvā sukhumasuttam kantitvā antovatthusmimyeva sālam kārāpetvā sippike pakkosāpetvā sippikānam attano paribhogakhādanīyabhojanīyameva datvā vāyāpesi, kālānukālaṅca dhātigaṇaparivutā gantvā vemakoṭiṃ aggahe. Niṭṭhitakāle sippikānam mahāsakkāram katvā dussayugam gandhasamugge pakkhipitvā vāsam gāhāpetvā – “mayham puttassa cīvarasāṭakam gahetvā gamissāmī”ti raṇṇo ārocesi. Rājā maggam paṭiyādāpesi, vīthiyo sammajjitvā puṇṇaghaṭe ṭhapetvā dhajapaṭākā ussāpetvā rājagharadvārato paṭṭhāya yāva nigrodhārāmā maggam paṭiyādāpetvā pupphābhikiṇṇam akamsu. Mahāpajāpatipi sabbālaṅkāram alaṅkaritvā dhātigaṇaparivutā samuggam sīse ṭhapetvā bhagavato santikam gantvā **idaṃ me, bhante, navam dussayugantiādīmāha.**

**Dutiyaṃpi khoti** “saṅghe gotamī dehī”ti vutte – “pahomaham, bhante, dussakoṭṭhāgarato bhikkhusatassāpi bhikkhusahassassāpi bhikkhusatasahassassāpi cīvaradussāni dātum, idaṃ pana me bhagavantam uddissa sāmam kantaṃ sāmam vāyitam, tam me, bhante, bhagavā paṭiggaṇhātū”ti nimantayamānā āha. Evam yāvataṭiyam yāci, bhagavāpi paṭikkhipiyeva.

Kasmā pana bhagavā attano diyyamānaṃ bhikkhusaṅghassa dāpetīti? Mātari anukampāya. Evaṃ kirassa ahosi – “imissā maṃ ārabba pubbacetanā muñcacetanā paracetanāti tisso cetanā uppannā, bhikkhusaṅghampissā ārabba uppajjantu, evamassā cha cetanā ekato hutvā dīgharattaṃ hitāya sukhāya pavattissantī”ti. Vitaṇḍavādī panāha – “saṅhe dinnam mahapphalanti tasmā evaṃ vutta”nti. So vattabbo – “kiṃ tvam satthu dinnato saṅhe dinnam mahapphalataram vadasī”ti āma vadāmīti. Suttaṃ āharāti. Saṅhe gotami dehi, saṅhe te dinne ahañceva pūjito bhavissāmi saṅho cāti. Kiṃ panassa suttassa ayameva atthoti? Āma ayamevāti. Yadi evaṃ “tena hānanda, vighāsādānaṃ pūvaṃ dehī”ti ca (pāci. 269) “tena hi tva, kaccāna, vighāsādānaṃ guḷam dehī”ti (mahāva. 284) ca vacanato vighāsādānaṃ dinnam mahapphalatarañca bhaveyya. Evampi hi “satthā attano diyyamānaṃ dāpetī”ti. Rājarājamahāmattādayopi attano āgataṃ paṇṇākāraṃ hatthigopakādīnaṃ dāpenti, te rājādīhi mahantatarā bhaveyyuṃ. Tasmā mā evaṃ gaṇha –

“Nayimasmim loke parasmim vā pana,  
Buddhena setṭho sadiso vā vijjati;  
Yamāhuneyyānamaggataṃ gato,  
Puññatthikānaṃ vipulaphalesina”nti. –

Vacanato hi satthārā uttaritaro dakkhiṇeyyo nāma natthi. Evamassā cha cetanā ekato hutvā dīgharattaṃ hitāya sukhāya bhavissantīti sandhāya yāvatiyaṃ paṭibāhitvā saṅghassa dāpesi.

Pacchimāya janatāya saṅhe cittikārajananattam cāpi evamāha. Evaṃ kirassa ahosi – “ahaṃ na ciraṭṭhitiko, mayhaṃ pana sāsanaṃ bhikkhusaṅhe patiṭṭhahissati, pacchimā janatā saṅhe cittikāraṃ janetū”ti yāvatiyaṃ paṭibāhitvā saṅghassa dāpesi. Evañhi sati – “satthā attano diyyamānampi saṅghassa dāpesi, saṅho nāma dakkhiṇeyyo”ti pacchimā janatā saṅhe cittikāraṃ uppādetvā cattāro paccaye dātabbe maññissati, saṅho catūhi paccayehi akilamanto buddhavacanaṃ uggahetvā samaṇadhammaṃ karissati. Evaṃ mama sāsanaṃ pañca vassasahassāni ṭhassatīti. “Paṭiggaṇhātu, bhante, bhagavā”ti vacanatopi cetam veditabbaṃ “satthārā uttaritaro dakkhiṇeyyo nāma natthī”ti. Na hi ānandattherassa mahāpajāpatiyā āghāto vā veraṃ vā atthi. Na thero – “tassā dakkhiṇā mā mahapphalā ahosī”ti icchati. Paṇḍito hi thero bahussuto sekkhapāṭisambhidāpatto, so satthu dinnassa mahapphalabhāve sampassamānova paṭiggaṇhātu, bhante, bhagavāti gahaṇattham yāci.

Puna vitaṇḍavādī āha – “saṅhe te dinne ahañceva pūjito bhavissāmi saṅho cā”ti vacanato satthā saṅghapariyāpanno vāti. So vattabbo – “jānāsi pana tvam kati saraṇāni, kati aveccappasādā”ti jānanto tīṇīti vakkhati, tato vattabbo – tava laddhiyā satthu saṅghapariyāpannattā dveyeva honti. Evaṃ sante ca – “anujānāmi, bhikkhave, imehi tīhi saraṇagamanehi pabbajjam upasampada”nti (mahāva. 34)

evam anuññātā pabbajjāpi upasampadāpi na ruhati. Tato tvaṃ neva pabbajito asi, na gihi. Sammāsambuddhe ca gandhakuṭiyam nisinne bhikkhū uposathampi pavāraṇampi saṅghakammānīpi karonti, tāni satthu saṅghapariyāpannattā kuppāni bhaveyyum, na ca honti. Tasmā na vattabbametam “satthā saṅghapariyāpanno”ti.

**377. Āpādikāti** samvaḍḍhikā, tumhākaṃ hatthapādesu hatthapādakiccaṃ asādhentesu hatthe ca pāde ca vaḍḍhetvā paṭijaggikāti attho. **Posikāti** divasassa dve tayo vāre nhāpetvā bhojetvā pāyevā tumhe posesi. **Thaññaṃ pāyesīti** nandakumāro kira bodhisattato katipāheneva daharo, tasmim jāte mahāpajāpati attano puttam dhātīnaṃ datvā sayam bodhisattassa dhātikiccaṃ sādhayamānā attano thaññaṃ pāyesi. Tam sandhāya thero evamāha. Iti mahāpajāpatiyā bahūpakāratam kathetvā idāni tathāgatassa bahūpakāratam dassento **bhagavāpi, bhanteti**ādīmāha. Tattha **bhagavantam, bhante, āgammāti** bhagavantam paṭicca nissāya sandhāya.

**378.** Atha bhagavā dvīsu upakāresu atirekataram anumodanto **evametanti**ādīmāha. Tattha **yam hānanda, puggalo puggalam āgammāti** yam ācariyapuggalam antevāsikapuggalo āgamma. **Imassānanda, puggalassa iminā puggalenāti** imassa ācariyapuggalassa iminā antevāsikapuggalena. **Na suppaṭikāram vadāmīti** paccūpakāram na sukaram vadāmi, abhivādanādīsu ācariyam disvā abhivādanakaraṇam **abhivādanam** nāma. Yasmim vā disābhāge ācariyo vasati, iriyāpathe vā kappento tadabhimukho vanditvā gacchati, vanditvā nisīdati, vanditvā nipajjati, ācariyam pana dūratova disvā paccuṭṭhāya paccuggamanakaraṇam **paccuṭṭhānam** nāma. Ācariyam pana disvā añjalim paggayha sīse ṭhapetvā ācariyam namassati, yasmim vā disābhāge so vasati, tadabhimukhopi tatheva namassati, gacchantopi ṭhitopi nisinnopi añjalim paggayha namassatiyevāti idam **añjalikammaṃ** nāma. Anucchavikakammassa pana karaṇam **sāmīcikammaṃ** nāma. Cīvarādīsu cīvaram dento na yam vā tam vā deti, mahaggham satamūlikampi pañcasatamūlikampi sahasamūlikampi detiyeva. Piṇḍapātādīsupi eseva nayo. Kiṃ bahunā, catūhi pañītapaccayehi cakkavāḷantaram pūretvā sinerupabbatena kūṭam gahetvā dentopi ācariyassa anucchavikam kiriyam kātum na sakkotiyeva.

**379. Cuddasa kho panimāti** kasmā ārabhi? Idam suttam pāṭipuggalikaṃ dakkhiṇam ārabha samuṭṭhitam. Ānandattheropi “paṭiggaṇhātu, bhante, bhagavā”ti pāṭipuggalikaḍakkhiṇaṃyeva samādapeti, cuddasasu ca ṭhānesu dinnadānam pāṭipuggalikaṃ nāma hotīti dassetum imaṃ desanam ārabhi. **Ayam paṭhamāti** ayam dakkhiṇā guṇavasenapi paṭhamā jetṭhakavasenapi. Ayañhi paṭhamā aggā jetṭhikā, imissā dakkhiṇāya pamāṇam nāma natthi. Dutiyatatiyāpi paramadakkhiṇāyeva, sesā paramadakkhiṇabhāvaṃ na pāpuṇanti. **Bāhirake kāmesu vītarāgeti** kammavādikiriyavādimhi lokiyapañcābhīñe.

**Puthujjanasīlavanteti** puthujjanasīlavā nāma gosīladhātuko hoti, asaṭho amāyāvī param apīletvā dhammena samena kasiyā vā vaṇijjāya vā jīvikam kappetā. **Puthujjanadussīleti** puthujjanadussīlā nāma kevattamacchabandhādayo param pīlāya jīvikam kappetā.

Idāni pāṭipuggalikadakkhiṇāya vipākam paricchindanto **tatrānandā**tiādīmāha. Tattha **tiracchānagateti** yaṃ guṇavasena upakāravasena posanattam dinnam, idaṃ na gahitam. Yampi ālopaaddhaālopamattam dinnam, tampi na gahitam. Yaṃ pana sunakhasūkarakukkuṭakākādīsu yassa kassaci sampattassa phalam paṭikañkhitvā yāvadattam dinnam, idaṃ sandhāya vuttam “tiracchānagate dānam datvā”ti. **Satagūṇā**ti satānisamsā. **Pāṭikañkhitabbā**ti icchitabbā. Idaṃ vuttam hoti – ayam dakkhiṇā āyusatam vaṇṇasatam sukhasatam balasatam paṭibhānasatanti pañca ānisamsasatāni deti, attabhāvasate āyū deti, vaṇṇam, sukham, balam, paṭibhānam deti, nipparitasam karoti. Bhavasatepi vutte ayameva attho. Iminā upāyena sabbattha nayo netabbo.

**Sotāpattiphalasacchikiriyāya paṭipanneti** ettha hetṭhimakoṭiyā tisaraṇam gato upāsakopi sotāpattiphalasacchikiriyāya paṭipanno nāma, tasmim dinnadānampi asaṅkhyeyyam appameyyam. Pañcasīle patitṭhitassa tato uttari mahapphalam, dasasīle patitṭhitassa tato uttari, tadahupabbajitassa sāmaṇerassa tato uttari, upasampannabhikkhuno tato uttari, upasampannasseva vattasampannassa tato uttari, vipassakassa tato uttari, āraddhavipassakassa tato uttari, uttamakoṭiyā pana maggasamaṅgī sotāpattiphalasacchikiriyāya paṭipanno nāma. Etassa dinnadānam tato uttari mahapphalameva.

Kim pana maggasamaṅgissa sakkā dānam dātunti? Āma sakkā. Āraddhavipassako hi pattacīvaramādāya gāmam piṇḍāya pavisati, tassa gehadvāre ṭhitassa hatthato pattam gahetvā khādanīyabhojanīyam pakkhipanti. Tasmim khaṇe bhikkhuno maggavuṭṭhānam hoti, idaṃ dānam maggasamaṅgino dinnam nāma hoti. Atha vā panesa āsanāsālāya nisinnō hoti, manussā gantvā patte khādanīyabhojanīyam ṭhapenti, tasmim khaṇe tassa maggavuṭṭhānam hoti, idampi dānam maggasamaṅgino dinnam nāma. Atha vā panassa vihāre vā āsanāsālāya vā nisinnassa upāsakā pattam ādāya attano gharam gantvā khādanīyabhojanīyam pakkhipanti, tasmim khaṇe tassa maggavuṭṭhānam hoti, idampi dānam maggasamaṅgino dinnam nāma. Tattha soṇḍiyam udakassa viya sotāpattiphalasacchikiriyāya paṭipanne dinnadānassa asaṅkhyeyyatā veditabbā. Tāsu tāsu mahānadīsu mahāsamudde ca udakassa viya sotāpannādīsu dinnadānassa uttaritaravasena asaṅkhyeyyatā veditabbā. Pathaviyā khayamaṇḍalamatte padese paṃsum ādiṃ katvā yāva mahāpathaviyā paṃsuno appameyyatāyapi ayamattho dīpetabbo.

**380. Satta kho panimāti** kasmā ārabhi? “Saṅhe gotami dehi, saṅhe te dinne ahañceva pūjito bhavissāmi saṅho cā”ti hi vuttaṃ, tatha sattu saṅhesu dinnadānaṃ saṅhe dinnānaṃ nāma hotīti dassetuṃ imaṃ desanaṃ ārabhi. Tatha **buddhappamukhe ubhatosaṅgheti** ekato bhikkhusaṅho, ekato bhikkhunisaṅho, sathā majjhe nisinno hotīti ayaṃ buddhappamukho ubhatosaṅho nāma. **Ayaṃ paṭhamāti** imāya dakkhiṇāya samappamaṇā dakkhiṇā nāma natthi. Dutiyadakkhiṇādayo pana etaṃ paramadakkhiṇaṃ na pāpuṇanti.

Kim pana tathāgate parinibbute buddhappamukhassa ubhatosaṅghassa dānaṃ dātuṃ sakkāti? Sakkā. Kathaṃ? Ubhatosaṅghassa hi pamukhe sadhātukaṃ paṭimaṃ āsane ṭhapetvā ādhāraṃ ṭhapetvā dakkhiṇodakaṃ ādiṃ katvā sabbaṃ satthu paṭhamaṃ datvā ubhatosaṅghassa dātabbaṃ, evaṃ buddhappamukhassa ubhatosaṅghassa dānaṃ dinnānaṃ nāma hoti. Tatha yaṃ satthu dinnānaṃ, taṃ kim kātabbanti? Yo sathāraṃ paṭijaggati vattasampanno bhikkhu, tassa dātabbaṃ. Pitusantakaṃhi puttassa pāpuṇāti, bhikkhusaṅghassa dātumpi vaṭṭati, sappitelāni pana gahetvā dīpā jalitabbā, sāṭakaṃ gahetvā paṭākā āropetabbāti. **Bhikkhusaṅgheti** aparicchinnakamahābhikkhusaṅhe. Bhikkhunisaṅhepi eseva nayo.

**Gotrabhunoti** gottamattakameva anubhavamānā, nāmamattasamaṇāti attho. **Kāsāvakaṅṭhāti** kāsāvakaṅṭhanāmakā. Te kira ekaṃ kāsāvakaṅṭhaṃ hatthe vā gīvāya vā bandhitvā vicarissanti. Gharadvāraṃ pana tesu puttabhariyā kasivaṇijjādikammāni ca pākatikāneva bhavissanti. **Tesu dussīlesu saṅghaṃ uddissa dānaṃ dassantīti** ettha dussīlasaṅghanti na vuttaṃ. Saṅho hi dussīlo nāma natthi. Dussīlā pana upāsakā tesu dussīlesu bhikkhusaṅghaṃ uddissa saṅghassa demāti dānaṃ dassanti. Iti bhagavatā buddhappamukhe saṅhe dinnadakkhiṇāpi guṇasaṅkhāya asaṅkhyeyyāti vuttaṃ. Kāsāvakaṅṭhasaṅhe dinnadakkhiṇāpi guṇasaṅkhāyeva asaṅkhyeyyāti vuttā. Saṅhagatā dakkhiṇā hi saṅhe cittikāraṃ kātuṃ sakkontassa hoti, saṅhe pana cittikāro dukkaro hoti.

Yo hi saṅhagataṃ dakkhiṇaṃ dassāmīti deyyadhammaṃ paṭiyādetvā vihāraṃ gantvā, – “bhante, saṅhaṃ uddissa ekaṃ therānaṃ dethā”ti vadati, atha saṅghato sāmaṇeraṃ labhitvā “sāmaṇero me laddho”ti aññathattaṃ āpajjati, tassa dakkhiṇā saṅhagatā na hoti. Mahātherānaṃ labhitvāpi “mahāthero me laddho”ti somanassaṃ uppādentassāpi na hotiyeva. Yo pana sāmaṇeraṃ vā upasampannaṃ vā daharaṃ vā therānaṃ vā bālaṃ vā paṇḍitaṃ vā yaṃkiñci saṅghato labhitvā nibbematiko hutvā saṅghassa demāti saṅhe cittikāraṃ kātuṃ sakkoti, tassa dakkhiṇā saṅhagatā nāma hoti. Parasamuddavāsino kira evaṃ karonti.

Tatha hi eko vihārasāmi kuṭumbiko “saṅhagataṃ dakkhiṇaṃ dassāmī”ti saṅghato uddisitvā ekaṃ bhikkhuṃ dethāti yāci. So ekaṃ dussīlabhikkhuṃ labhitvā

nisinnatthānaṃ opuñjāpetvā āsanaṃ paññāpetvā upari vitānaṃ bandhitvā gandhadhūmapupphehi pūjetvā pāde dhovivā telena makkhetvā buddhassa nipaccakāraṃ karonto viya saṅhe cittikārena deyyadhammaṃ adāsi. So bhikkhu pacchābhattaṃ vihārajagganatthāya kudālakamaṃ dethāti gharadvāraṃ āgato, upāsako nisinnova kudālaṃ pādena khipitvā “gaṇhā”ti adāsi. Tameṇaṃ manussā āhaṃsu – “tumhehi pātova etassa katasakkāro vattumaṃ na sakkā, idāni upacāramattakampi natthi, kiṃ nāmeta”nti. Upāsako – “saṅghassa so ayyā cittikāro, na etassā”ti āha. Kāsāvakaṇṭhasaṅghassa dinnadakkhiṇaṃ pana ko sodhetīti? Sāriputtamoggallānādayo asīti mahātherā sodhentīti. Apica therā ciraparinibbutā, there ādiṃ katvā yāvajja dharamānā khīṇāsavā sodhentiyeva.

**Na tvevāhaṃ, ānanda, kenaci pariyāyena saṅghagatāya dakkhiṇāyāti** ettha atthi buddhappamukho saṅgho, atthi etarahi saṅgho, atthi anāgate kāsāvakaṇṭhasaṅgho. Buddhappamukho saṅgho etarahi saṅghena na upanetabbo, etarahi saṅgho anāgate kāsāvakaṇṭhasaṅghena saddhiṃ na upanetabbo. Tena teneva samayena kathetabbaṃ. Saṅghato uddisitvā gahitasamaṇaputhujjano hi pātipuggaliko sotāpanno, saṅhe cittikāraṃ kātumaṃ sakkontassa puthujjanasamaṇe dinnamaṃ mahapphalataraṃ. Uddisitvā gahito sotāpanno pātipuggaliko sakadāgāmītiadisupi eseva nayo. Saṅhe cittikāraṃ kātumaṃ sakkontassa hi khīṇāsava dinnadānato uddisitvā gahite dussīlepi dinnamaṃ mahapphalatarameva. Yaṃ pana vuttaṃ “sīlavato kho, mahārāja, dinnamaṃ mahapphalaṃ, no tathā dussīle”ti, taṃ imaṃ nayaṃ pahāya “catasso kho imānanda, dakkhiṇā visuddhiyo”ti imasmim catukke datṭhabbaṃ.

**381. Dāyakato visujjhatīti** mahapphalabhāvena visujjhati, mahapphalā hotīti attho. **Kalyāṇadhammoti** sucidhammo, na pāpadhammo. **Dāyakato visujjhatīti** cettha vessantaramahārājā kathetabbo. So hi jūjakabrāhmaṇassa dārake datvā pathaviṃ kampesi.

**Paṭiggāhakato visujjhatīti** ettha kalyāṇinadīmukhadvāravāsikevaṭṭo kathetabbo. So kira dīghasomattherassa tikkhattumpi piṇḍapātaṃ datvā maraṇamañce nipanno “ayyassa maṃ dīghasomattherassa dinnapiṇḍapāto uddharatī”ti āha.

**Neva dāyakatoti** ettha vaḍḍhamānavāsīluddako kathetabbo. So kira petadakkhiṇaṃ dento ekassa dussīlasseva tayo vāre adāsi, tatiyavāre “amanusso dussīlo maṃ vilumpatī”ti viravi, ekassa sīlavantabhikkhuno datvā pāpitakāleyevassa pāpuṇi.

**Dāyakato ceva visujjhatīti** ettha asadisadānaṃ kathetabbaṃ.



**Sā dakkhiṇā dāyakato visujjhatīti** ettha yathā nāma cheko kassako asārampi khettaṃ labhitvā samaye kasitvā paṃsuṃ apanetvā sārabījāni patiṭṭhapetvā rattindivaṃ ārakkhe pamādaṃ anāpajjanto aññassa sārakhattato adhikāraṃ dhaññaṃ labhati, evaṃ sīlavā dussīlassa datvāpi phalaṃ mahantaṃ adhigacchatīti. Iminā upāyena sabbapadesu visujjhanaṃ veditabbaṃ.

**Vītarāgo vītarāgesūti** ettha **vītarāgo** nāma anāgāmī, arahā pana ekantavītarāgo, tasmā arahatā arahato dinnadānameva aggaṃ. Kasmā? Bhavālayassa bhavapatthanāya abhāvato. Nanu khīṇāsavo dānaphalaṃ na saddahatīti? Dānaphalaṃ saddahantā khīṇāsavasadisā na honti. Khīṇāsavena katakammaṃ pana nicchandarāgattā kusalaṃ vā akusalaṃ vā na hoti, kiriyatṭhāne tiṭṭhati, tenevassa dānaṃ aggaṃ hotīti vadanti.

Kim pana sammāsambuddhena sārīputtattherassa dinnāṃ mahapphalaṃ, udāhu sārīputtattherena sammāsambuddhassa dinnanti. Sammāsambuddhena sārīputtattherassa dinnāṃ mahapphalanti vadanti. Sammāsambuddhañhi ṭhapetvā añño dānassa vipākaṃ jānituṃ samattho nāma natthi. Dānañhi catūhi sampadāhi dātuṃ sakkontassa tasmimīyeva attabhāve vipākaṃ deti. Tatrimā sampadā – deyyadhammassa dhammena samena paraṃ apīletvā uppannatā, pubbacetanādivasena cetanāya mahattatā, khīṇāsavabhāvena guṇātirekatā, taṃdivasaṃ nirodhato vuṭṭhitabhāvena vatthusampannatāti.

Papañcasūdaniyā majjhimanikāyaṭṭhakathāya

Dakkhiṇāvibhaṅgasuttavaṇṇanā niṭṭhitā.

Catutthavaggavaṇṇanā niṭṭhitā.